Thich Minh Tue - Phat & Thanh chung - 207

Phật & Thánh Chúng (Thích Minh Tuệ)

Thich Minh Tue - Phat & Thanh chung - 207

Times font

Phật và Thánh chúng

Thích Minh Tuệ

Sài Gòn, 1990

Bài 7

Tôn giả A NA LUẬT

(Anirudha - Thiên nhãn đệ nhất) -ooOoo-

S au khi thành đạo, Đức Phật xuống núi, đi giáo hóa khắp nơi. Đức Phật cũng không quên trở về thành Ca Tỳ La Vệ, thuyết pháp cho hàng vương tôn công tử, và đã khuyến hóa được nhiều thân thuộc xuất gia. Trong số 7 vương tử đi xuất gia, có A Na Luật là bậc Thiên nhãn đệ nhất.

I- DÒNG HỌ A NA LUẬT

A Na Luật (Anirudha), là em ruột của Ma Ha Nam (Ma Ha Bạt Đề) con thứ của Cam Lồ Phạn Vương, dòng Sát Đế Lợi, vua chúa nước Ấn Độ, khoảng trước Tây lịch 700 năm.

Ma Ha Nam đã được Phật
Thích Ca đưa lên ngôi vua nước Ca Tỳ La Vệ, sau ngày vua Tịnh
Phạn băng hà. Cam Lộ Vương là em thứ hai của Tịnh Phạn
Vương. Do đó, A Na Luật là đường đệ của Phật Thích
Ca.
Lúc tuổi thơ, A Na Luật là một cậu bé được nhiều người thân mến, vì thông minh, hoạt bát, có tài âm nhạc, hay ca hát, làm điệu bộ trước đám đông, khiến ai cũng bật cười. Vì được nuông chiều, nuôi dưỡng, trong hoàng cung, A Na Luật chẳng biết cuộc sống ngoài đời. A Na Luật thương chơi với Bạt Đề và Kiếp Tân Na một cách ngây thơ, hồn nhiên. Khi tuổi trưởng thành, A Na Luật có vóc dáng anh dũng, diện mạo khôi ngô, tuấn tú, nên được nhiều thiếu nữ say mê thương yêu. Nhưng với bản tính đoan chính, tâm hồn của A Na Luật chẳng bị sắc dục làm xao động.

Lúc Phật về Ca Tỳ La Vệ thuyết pháp, thấm nhuần mưa pháp xem nhẹ lạc thú trần gian, A Na Luật cùng với anh là Ma Ha Bạt Đề và An Nam, Đề Bà, Kiếp Tân Na, Bà Sa Nam Đề và La Hầu La quyết tâm xuất gia học đạo. Cả 7 vương tử kéo theo Ưu Ba Ly, một thợ cạo râu tóc, giai cấp Thủ đà la đi theo Đức Phật. Được Phật chấy nhận, Ưu Bà Ly cạo bỏ râu tóc cho 7 vương tử. Khi về đến Tịnh Xá, để thử xem các vương tử đã thật sự loại được tâm đắm say lạc thú hay chưa, Phật bảo cả 7 vương tử vào tịnh thất tỉnh tọa một tuần lễ rồi mới chính thức cho nhập giáo đoàn.

I- ĐẠO NGHIỆP CỦA A NA LUẬT.

1. Cự tuyệt thiếu nữ cầu hôn

Sau khi xuất gia, đã thông hiểu đạo lý giải thoát, A Na Luật được Phật phân công đi du hóa phương xa. Một hôm, trên đường đến nước Kiều Tát La thuyết pháp, giữa đường gặp trời mưa, đêm tối, nhưng không có một cảnh già lam nào dành cho các Tỳ Kheo tạm trú, A Na Luật đành đến nhà thường dân gõ cửa xin tạm tá túc 1 đêm. Ra mở cửa, thấy A Na Luật có hình tướng khôi ngô, tuấn tú, trẻ đẹp, thiếu nữ rất vui mừng, niềm nở mời vào. Thật thẳng ngờ, trong nhà không có ai cả, chỉ một mình thiếu nữ giữ nhà.

Tấn thối lưỡng nan, cửa ngoài đã đóng kỹ, thế chẳng đặng đừng, A Na Luật đành ở lại. Nhưng để giữ phẩm hạnh, A Na Luật quyết không ngủ, ngồi kiết già nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, hành tứ niệm xứ, mong trời chóng sáng.

Đến nửa đêm, với ngọn đèn dầu leo loét, ánh sáng mông lung, thiếu nữ đến gạ gẫm chuyện, nói hết chuyện này đến chuyện nọ, lời lẽ cợt nhã. A Na Luật một mực nín lặng, không dám hé môi, mở mắt. Ngỡ là vị Tỳ Kheo không am hiểu chuyện đời, thiếu nữ đi thẳng vào vấn đề tâm sự.

Thiếu nữ kể lể những chuyện, có nhiều trưởng giả đến cầu hôn, nhưng nàng từ chối. Theo thiếu nữ, chuyện duyên nợ ba sinh, nay mới đến thời điểm. Thiếu nữ hết lời ca tụng A Na Luật, nào là diện mạo khôi ngô, tuấn tú, nào là da dẻ hồng hào, thân hình cân đối... So với nàng thật là xứng đôi vừa lứa, mong được kết tóc xe tơ, trăm năm sum họp. Thiếu nữ yêu cầu A Na Luật ở luôn lại nhà này, cha mẹ sẽ mừng rỡ vô cùng, vì ở đó, có đầy đủ cơm gạo và mọi phương tiện cần thiết, cần gì phải lê gót khất thực. Thiếu nữ càng van xin cầu khẩn khoản, A Na Luật càng nhắm kỹ đôi mắt, cố giữ tâm bất động. Thấy A Na Luật một mực kiên trì, vững chắc như một quả núi không vì gió bão mà lay động. Bỗng chốc, thiếu nữ chòang tay qua thân A Na Luật. Thấy nguy ngập đến nơi, A Na Luật mở mắt, trừng thiếu nữ và nói lời phản đối dữ dội. Tự biết rằng sét đánh không nhằm chỗ, con người xin tá túc ở đây, lòng vô cùng sắt đá, thiếu nữ rất thẹn thùng, thất vọng nằm vật xuống đất rưng rức khóc than, gần như một người mắc bệnh tâm thần.

Biết thiếu nữ có thể đã rối loạn thần kinh, A Na Luật đổi giọng ngọt ngào, hiền dịu, khuyên bảo thiếu nữ. A Na Luật cho thiếu nữ biết tham ái là gốc của sanh tử, con người cần đem kiếm trí tuệ chặt đứt ái dục, để hết vòng lẩn quẩn sanh tử luân hồi. Nghe A Na Luật giảng giải nghiệp báo luân hồi, và lời khuyên hãy trở về con đường chánh đạo, thiếu nữ từ từ tỉnh ngộ, cảm mến đức đoan chính của A Na Luật. Trước khi trời sáng, A Na Luật sửa soạn hành trình, thiếu nữ quỳ lạy và xin được quy y làm đệ tử.

Ra khỏi ngôi nhà thiếu nữ, A Na Luật vô cùng hân hoan vì không sa ngã trước sắc đẹp, giữ trọn phạm hạnh của một Tỳ Kheo. Từ đó về sau A Na Luật không dám ngủ lại ban đêm ở nhà thế gian. Vì nếu hành giả không viễn ly tình người thì khó trực nhận được tính Phật.

2. Chứng thiên nhãn

Nhờ đức đoan chính, không bị nữ sắc cám dỗ, A Na Luật rất được mọi giới kính ngưỡng. Nhưng A Na Luật chưa loại trừ được ma mê ngủ. Mỗi khi vào giảng đường nghe Phật thuyết pháp dù đã hết sức cố gắng, A Na Luật vẫn thường ngủ gục. Vài ba lần, A Na Luật đã bị Phật quở trách.

Một hôm Phật gọi A Na Luật đến bảo rằng:

- Này A Na Luật! Ông xuất gia học đạo, vì sợ phép nước hay sợ trộm cướp.

- Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy.

- Thế vì lý do gì mà ông xuất gia?

- Bạch Thế Tôn! Vì con chán cảnh sinh, già, bệnh, chết và muốn giác ngộ, giải thoát hết các khổ não.

- Này A Na Luật! Ông là con người đoan chính, phạm hạnh không sa ngã bởi nữ sắc, cho nên được giáo đoàn kính trọng, điều đó chắc ông cũng tự hào.

Tính háo sắc, người đời khó trừ được còn ông là người không mù quáng, thế tại sao tính ham ngủ ông lại không dẹp bỏ được? Trong lúc nghe pháp mà ngủ thì bao giờ mới giải thoát được Niết Bàn?

Nghe Phật quở, A Na Luật quỳ phát lời thề độc rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con xin sám hối tội hay ngủ gục trong lúc nghe pháp. con cúi xin Đức Thế Tôn lượng thứ cho.

Từ nay về sau con sẵn sàng chịu mọi cực hình miễn sao diệt trừ được tật xấu ngủ gục.

Từ đó A Na Luật quyết tâm "không ngủ". Lúc nào A Na Luật cũng mở to đôi mắt nhìn vào khoảng không, từ đầu hôm đến sáng, từ sáng đến chiều, không chớp mắt. Sức người có hạn, sau những giờ làm việc mệt nhọc, con người cần có giấc ngủ để lấy lại sức lực. Sự vận hành của thiên nhiên giữ cho con người được thăng bằng. Mặt trời xuất hiện, soi sáng mọi vật, giúp con người hoạt động. Mặt trời đi ngủ, khiến không khí mát mẻ, bóng đêm tràn ngập, giúp con người ngủ nghỉ, để tâm hồn bình thản... Trái với thiên nhiên, con người mất hết sức lực. Mất ngủ là một bệnh, cơ thể dã dượi, hai mắt sưng húp. A Na Luật, đã cải thiên nhiên, ngồi chong mắt hết ngày nọ đến ngày kia, khiến hai mắt sưng vù.

Từ trên pháp tòa, nhìn thấy A Na Luật đã sưng vù hai mắt, Phật rất lo lắng, gọi đến và dạy rằng:

- Này A Na Luật! Người tu hành hãy tránh hai thái cực: Bất cập hoặc thái quá đều chẳng đạt đạo. Dây đàn căng quá hoặc chùng quá khiến đàn không kêu. Dây đàn vừa phải, tiếng đàn mới thánh thót. Sự tu hành phải đi theo con đường trung đạo, ông không nên hành đạo theo con đường thề độc của ông, nguy hiểm lắm, đạo chưa đạt, mà mắt đã mù, sẽ chịu thiệt hại nhiều thứ.

- Bạch Thế Tôn! Con không thể trái nguyện, xin Thế Tôn cho con giữ tròn.

Này A Na Luật! Sống trong đời, con mắt rất cầu yếu. Mắt bị mù sẽ không thấy biết gì hết. Bởi thế ông cần giữ gìn cho con mắt, không nên hành hạ nó. Con người sống được nhờ ăn, có ngủ nghỉ, con mắt mới tinh sáng. Giấc ngủ là thức ăn của con mắt. Ông không ngủ tức là bắt mắt nhịn đói, đói ngủ nó sẽ mù, sức khỏe của ông cũng sẽ kiệt. Sức kiệt thì làm thế nào để tiến đến Niết Bàn, ông nên biết Niết Bàn cũng cần thức ăn.

- Lạ thật! Thế thì thức ăn của Niết Bàn là gì? A Na Luật hỏi.

- Thức ăn của Niết Bàn là "không buông lung" (bất phóng dật). Người không buông lung mới đạt Niết Bàn. Muốn đạt Niết Bàn, ông phải cho con mắt ăn, tức là cần phải ngủ nghỉ, sau khi làm việc mệt nhọc.

Mặc dù Phật từ mẫn khuyên bảo, tôn giả vẫn không nghe, cứ tiếp tục mở mắt. Một thời gian ngắn, đôi mắt bị mù. Thấy thế, không những Phật mà cả giáo đoàn đều tìm cách chữa trị bệnh mù cho A Na Luật, nhưng đều vô hiệu. Một hôm, A Na Luật mặc một tấm áo, biết có chỗ rách bèn ngồi vá áo, nhưng không biết mượn ai xâu chỉ vào kim. Thấy thiếu người giúp đỡ, Phật đến trước A Na Luật và nói:

- Để Ta xâu giúp cho.

Tình thương của Phật thật bao la. A Na Luật rất cảm động. Xâu chỉ xong, Phật trao kim lại, nhưng A Na Luật cũng chẳng thấy để may, tay cứ mân mê cái áo. Thấy thế, phật lại bảo:

- Để Ta giúp cho.

Suốt ngày Phật nắm tay A Na Luật hướng dẫn để mũi kim lên xuống đều đặn. Mãi đến chiều 3 y đã vá xong. Để giúp cho A Na Luật không cần mắt thịt vẫn thấy xuyên suốt 2 ngàn thế giới, Phật dạy A Na Luật phương pháp nhập định, luyện phép thiên nhãn. Bản chất vốn hay cương quyết, lại tuyệt đối tin Phật, A Na Luật chứng được Thiên nhãn thông. Với thiên nhiên, A Na Luật nhìn xuyên suốt cả trong lẫn ngoài, cả xa lẫn gần, hơn cả một viễn vọng kính soi chiếu bằng tia lade. Giáo đoàn của Phật suy tôn: A NA LUẬT LÀ BẬC THIÊN NHÃN ĐỆ NHẤT TRONG HÀNG THÁNH CHÚNG.

3. Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân

Sau khi chứng thiên nhãn, A Na Luật đến trước Đức Phật bày tỏ lòng biết ơn rồi thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bước đầu của người xuất gia là loại trừ tham, sân, ngã, mạn, tật đố... để bản thân có phẩm hạnh vô ngã, vị tha, và đem lại cho mọi người được nhiều phước lạc. Nhưng để tiến xa hơn đến chân trời giác ngộ, giải thoát và Niết Bàn, người xuất gia còn phải thực hành những gì xin Thế Tôn chỉ giáo.

Với đức từ bi bao la sẵn có, Đức Phật rất hoan hỷ dạy rằng:

- Hay thay! Hay thay! Người xuất gia cần phải hạ hóa thượng cầu. Ngoài việc làm lợi ích cho con người, cho xã hội, để giải thoát, hàng Tỷ Kheo cần phải thực hành "Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân". Đó là:

Thứ nhất: Giác ngộ thế gian vô thường, đất nước nguy khốn, bốn đại khổ không, 5 ấm không ngã, thảy đều sinh diệt, hư dối không thật, tâm là gốc tội, thân thể biến hoại. Quan sát như vậy, dần lìa sinh tử.

Thứ hai: Giác ngộ, nhiều dục, gốc khổ, dẫn vào sinh tử; ít dục vô vi, thân tâm tự tại.

Thứ ba: Giác ngộ, lòng tham không đáy, càng có càng cầu, càng thêm tội ác. Bồ tát ngược lại, ít muốn biết đủ, vui đạo quên nghèo, bồi đắp trí tuệ.

Thứ tư: Giác ngộ, lười biếng trụy lạc, điều đáng tủi hổ, luôn luôn tinh tấn, phá trừ phiền não, hàng phục bốn ma, chống khỏi địa ngục giam hãm.

Thứ năm: Giác ngộ, ngu si là thứ đầu mối sinh tử, Bồ tát chăm lo học rộng nghe nhiều, tăng trưởng trí tuệ, sớm được biện tài, giáo hóa chúng sanh là niềm vui lớn.

Thứ sáu: Giác ngộ, nghèo khổ sinh hận, tạo thêm duyên dữ, Bồ tát không oán, không ghét người ác, oán thân bình đẳng.

Thứ bảy: Giác ngộ, dục là nguồn họa, còn ở thế gian, tâm không đắm dục, tâm chí hướng v?, chí nguyện xuất gia, giữ hạnh thanh bạch, cầu hạnh thanh tịnh, thương khắp mọi loài.

Thứ tám: Giác ngộ, lửa sinh lửa tử, ngày đêm thiêu đốt, biển khổ không bờ, phát tâm độ sinh, thay hết chúng sinh, chịu vô lượng khổ, khiến đều an vui.

Này A Na Luật! Chư Phật thường khai thị 8 điều trên đây. Muốn được giác ngộ cần vận dụng tâm từ bi rộng lớn làm nền tảng cho vấn đề tu phước và tu tuệ: Người được như thế tất sẽ thành đạt cứu cánh Niết Bàn, thường lạc ngã tịnh.

II- NHẬN THỨC VÀ KẾT LUẬN

Trong nhân loại, giữa nam và nữ, nam mang tính lý trí và năng động, còn nữ thiên về tình cảm nên nặng tính thụ động, và đặc biệt là tôn giáo tính. Bởi thế, trong các cuộc lễ tôn giáo phái nữ chiếm nhiều hơn, người đi tu cũng chiếm đa số. Còn nếu xét về giai cấp, giai cấp tư sản hiếm có người xuất gia. Còn giai cấp công nông người xuất gia nhiều hơn. Nhưng đặt biệt, từ xưa đến nay chỉ có Phật Thích Ca là vị xuất thân từ dòng dõi vua chúa giàu sang. Trong số đệ tử của Phật, đa phần là giai cấp thấp hoặc từ đạo sĩ Bà La Môn chuyển hướng. Còn giai cấp quý tộc giàu sang ngoài Phật chỉ có 8 vương tôn công tử, trong đó có A Na Luật, người dám bỏ lạc thú trần gian để xuất gia theo Phật. Việt Nam có vua Trần Nhân Tông.

A Na Luật là con người đoan chính lại rất ý chí. Bởi thế A Na Luật đã không bị nữ sắc lung lạc, lại giữ ý chí đến như cực đoan. Trong vấn đề ma ngủ, đến mù cả hai mắt. Lại cũng nhờ quyết chí, A Na Luật đã chứng thánh, có Thiên nhãn thông đệ nhất. Được thế, nhưng không dừng lại đó, A Na Luật lại thỉnh vấn Phật phương pháp giác ngộ và giải thoát cao hơn. Do đó, Phật đã vì A Na Luật mà nói kinh 8 điều giác ngộ của bậc đại nhân. Đó cũng là thời điểm xuất phát của kinh 8 điều giác ngộ. Với kinh này không chỉ là phương pháp giúp cho sự tu hành cho A Na Luật xưa kia, mà ngày nay chúng ta cũng cần học để tiến tu. Sinh vào thời điểm mạt pháp, đạo nghiệp chúng ta rất yếu, trong khi

lòng còn nhiều tham ái, tật đố, ngu si, lười biếng, ích kỷ...Chúng ta noi gương A Na Luật, thuộc làu tư tưởng kinh 8 điều giác ngộ, giữ tâm đoan chính, lập chí vững chắc để đừng bị tình đời lôi cuốn, hầu tự nâng cao phẩm hạnh đạo đức, giúp ích cho đạo, lợi lạc cho đời và làm tư lương cho con đường tiến lên chân trời giác ngộ và giải thoát.

* * *

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Dòng họ A Na Luật như thế nào?

2. Thái độ A Na Luật trước nữ sắc như thế nào?

3. Nguyên nhân nào đã giúp A Na Luật chứng Thiên nhãn thông?

4. Kinh 8 điều giác ngộ của bậc đại nhân trình bày những gì?

5. Thông thường giữa nam và nữ có gì khác nhau?

6. Tại sao dòng tư sản, vua chúa, ít có người đi tu?

7. Trong hiện tại, gương A Na Luật và kinh 8 điều giác ngộ có giúp gì cho chúng ta?

-ooOoo-

Đầu trang | 1.01
| 1.02 | 1.03 | 1.04
| 1.05 | 1.06 | 1.07
| 1.08 |
| 2.01 | 2.02 | 2.03
| 2.04 | 2.05 | 2.06
| 2.07 | 2.08 | 2.09
| 2.10 | 3 | Mục lục

Chân thành cám ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 07-2001)

[Trở về trang Thư Mục]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.